TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **06**/2022/KDTM-ST Ngày: 14-3-2022 V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa**: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 35/2021/TLST-KDTM ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty TNHH MTV Sắt Thép K T&J; địa chỉ: Số BTC, đường MPTV, Khu phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Bùi Thị Ngọc Th, sinh năm 1976; cư trú tại: Số nhà BIÊN BẢN/HL, Tổ HL, Khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH HE; địa chỉ: Số MT, đường SB, Khu phố B, phường P, Quận C (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH MTV Sắt Thép K T&J do bà Bùi Thị Ngọc Th trình bày:

Công ty TNHH HE (sau đây gọi tắt là Công ty HE) là khách hàng đối tác của

Công ty TNHH MTV Sắt thép K T&J (sau đây gọi tắt là Công ty K T&J) trong lĩnh vực cung ứng vật tư, hàng hóa là sắt thép, phụ kiện công nghiệp.

Sau quá trình trao đổi, thương thượng về hàng hóa và đi đến thống nhất các điều kiện của hợp đồng nguyên tắc, giữa hai bên công ty đã cùng thống nhất ký các hợp đồng nguyên tắc số 01/094/HĐNT-2017 ngày 01/12/2017; số 01/001/HĐNT-2018-2019 ngày 01/12/2018 và hợp đồng nguyên tắc số 01/001/HĐNT-2020 ngày 02/01/2020, với các nội dung như sau:

- Công ty K T&J là nhà cung cấp vật tư, hàng hóa (sắt thép và phụ kiện công nghiệp) cho Công ty HE theo từng đơn hàng cụ thể. Trong mỗi đơn hàng các bên xác định số lượng, đơn giá, trị giá hàng hóa và thuế VAT.

- Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 đến 13 tháng, được xác định từ ngày 01/12/2017 cho đến ngày 19/02/2021.

- Sau khi giao nhận hàng, các bên sẽ tiến hành xác nhận công nợ theo từng tháng, và Công ty HE có trách nhiệm thanh toán toàn bộ công nợ trong vòng 25 đến 30 ngày kể từ ngày giao hàng và nhận được hóa đơn tài chính do Công ty K T&J phát hành.

- Ngoài các thỏa thuận về phương thức, thời gian và địa điểm giao hàng; trách nhiệm và nghĩa vụ; các bên còn thỏa thuận lựa chọn cơ quan Tòa án có thẩm quyền giải quyết trong trường hợp có phát sinh tranh chấp là Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một.

Cho đến ngày 05/04/2021, các bên tiến hành đối chiếu và xác nhận công nợ, theo đó Công ty HE còn số nợ phải thanh toán cho Công ty K T&J là 1.539.452.528 đồng. Kể từ đó đến nay, Công ty HE không thanh toán nữa. Cho đến hiện tại, số nợ gốc vẫn đang tồn đọng là 1.539.452.528 đồng.

Phía Công ty HE nhiều lần hứa hẹn qua điện thoại nhưng nhưng không thực hiện, Công ty K T&J đã nhiều lần nhắc nhở cũng như cố gắng tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất qua việc tiếp tục cung cấp hàng hóa tạo điều kiện để Công ty HE hoạt động kinh doanh và trả nợ nhưng đáp lại thiện chí của Công ty K T&J chỉ là những lời hứa hẹn mà không thực hiện.

Nhận thấy việc Công ty HE cố tình chậm trả khoản nợ đã gây thiệt hại cho Công ty K T&J, do đó Công ty K T&J tiến hành khởi kiện với yêu cầu buộc Công ty HE phải thanh toán số tiền 2.453.572.407 đồng, bao gồm các khoản sau:

- Số tiền hàng chưa thanh toán 1.539.452.528 đồng;

- Tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, được tính từ ngày chậm trả cho đến khi tòa án cấp sơ thẩm xét xử, tạm tính đến ngày 31/12/2021 và lãi phạt vi phạm hợp đồng theo bảng kê chi tiết là 914.572.407 đồng.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn Công ty TNHH HE không đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương làm việc, không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án, vì vậy Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của Công ty TNHH HE được.

[3] Tại phiên tòa;

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Buộc Công ty HE phải thanh toán cho Công ty K T&J số tiền gồm các khoản:

+ Số tiền hàng chưa thanh toán 1.539.452.528 đồng;

+ Tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, được tính từ ngày chậm trả cho đến khi tòa án cấp sơ thẩm xét xử (ngày 14/3/2022) là 647.343.407 đồng (trong đó tiền phạt là 123.156.451 đồng và lãi chậm thanh toán là: 524.186.955đồng).

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được thụ lý và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng thời hạn theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trình tự thụ lý, việc xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ, các văn bản tố tụng đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc phiên tòa sơ thẩm;

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nhận thấy, phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến tranh luận của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện các ngày 10 tháng 11 năm 2021, Công ty K T&J yêu cầu Công ty HE phải trả cho Công ty K T&J số tiền mua sắt thép và phụ kiện công nghiệp còn thiếu là 2.453.572.407 đồng (trong đó: Số tiền hàng chưa thanh toán 1.539.452.528 đồng và tiền lãi phát sinh là 914.572.407 đồng) nên đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Theo Điều VI của Hợp đồng nguyên tắc đã ký giữa Công ty K T&J và Công ty HE số 01/094/HĐNT-2017 ngày 01/12/2017; số 01/001/HĐNT-2018-2019 ngày 01/12/2018 và hợp đồng nguyên tắc số 01/001/HĐNT-2020 ngày 02/01/2020, các bên có thỏa thuận "*Trường hợp có tranh chấp, hai bên không giải quyết được bất kỳ bên nào cũng có thể đưa nội vụ ra Tòa Án TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để giải quyết...*" . Do đó, khi Công ty K T&J khởi kiện Công ty HE tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thì căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về sự tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty HE không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty HE.

[1.4] *Về quyền yêu cầu của đương sự*: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Theo đơn khởi kiện thì Công ty K T&J yêu cầu Công ty HE phải trả số tiền hàng chưa thanh toán 1.539.452.528 đồng và tiền lãi phát sinh là 914.572.407 đồng; nay Công ty K T&J yêu cầu Công ty HE phải trả số tiền hàng chưa thanh toán 1.539.452.528 đồng và tiền lãi phát sinh là 647.343.407 đồng (trong đó tiền phạt là 123.156.451 đồng và lãi chậm thanh toán là: 524.186.955đồng). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào các ngày 01/12/2017, 01/12/2018 và 02/01/2020, giữa Công ty K T&J và Công ty HE đã ký hợp đồng nguyên tắc lần lượt số 01/094/HĐNT-2017, 01/001/HĐNT-2018-2019 và 01/001/HĐNT-2020. Theo đó, bên Công ty K T&J cung cấp vật tư, hàng hóa cho bên Công ty HE, việc cung cấp hàng hóa theo đơn đặt hàng đối với từng lô hàng cụ thể của Công ty HE; chi tiết hàng hóa, số lượng, giá cả, phương thức thanh toán và các điều khoản khác sẽ được chỉ rõ trong các đơn đặt hàng. Ngoài ra, hợp đồng còn quy định về quy cách, chất lượng, thời gian, địa điểm giao hàng, hình thức thanh toán, đổi trả hàng, bảo hành và quyền và nghĩa vụ của các bên. Mặc dù, tên hợp đồng là "hợp đồng nguyên tắc" nhưng đây chính là hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên. Hợp đồng được người đại diện hợp pháp của các bên ký và đóng dấu; đối tượng của hợp đồng là vật tư, hàng hóa không thuộc hàng hóa cấm kinh doanh, hàng hóa hạn chế kinh doanh theo quy định tại Điều 25 của Luật Thương mại nên các hợp đồng đã ký có giá trị thi hành đối với các bên.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền hàng còn thiếu là 1.539.452.528 đồng: Xét thấy, mặc dù phía Công ty K T&J không cung cấp được đơn đặt hàng của từng đợt giao hàng nhưng lại cung cấp toàn bộ hóa đơn GTGT có liên quan, cụ thể từ ngày 31/8/2018 đến ngày 29/02/2020 là 16 hóa đơn (trong đó: năm 2018 là 8 hóa đơn, năm 2019 là 07 hóa đơn và năm 2020 là 01 hóa đơn); tổng số tiền của 16 hóa đơn này là 2.115.331.483 đồng. Theo Công ty K T&J thì Công ty HE đã thanh toán số tiền 575.875.842 đồng vào các ngày 24/10, 20/11 và 24/12/2019, các ngày 16/01 và 25/5/2020; hiện nay còn thiếu nợ 1.539.452.528 đồng. Theo Điều II của hợp đồng đã

ký, các bên thỏa thuận: Đối với từng lần phát sinh, sau khi giao hàng hai bên đối chiếu công nợ, chứng từ là phiếu xuất kho và hóa đơn GTGT của bên bán; đối với công nợ theo tháng: vào cuối ngày 30 (31) hàng tháng, hai bên cùng tổng kết công nợ, các chứng từ cũng như hóa đơn GTGT của bên bán. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày đối chiếu công nợ mà không có bất kỳ phản hồi nào của bên mua thì mặc nhiên số liệu là đúng. Như vậy, việc mua hàng hóa theo các hóa đơn GTGT mà Công ty K T&J cung cấp với tổng số tiền 2.115.331.483 đồng là đã được Công ty HE thừa nhận. Công ty HE đã thanh toán số tiền 575.875.842 đồng và còn thiếu nợ số tiền là 1.539.452.528 đồng; điều này được chính Công ty HE xác nhận tại "Thư xác nhận phải thu khách hàng" ngày 05/4/2021. Từ sau ngày 05/4/2021, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh Công ty HE đã thanh toán một phần hay toàn bộ số tiền còn thiếu là 1.539.452.528 đồng cho Công ty K T&J. Vì vậy, Công ty K T&J yêu cầu Công ty HE phải thanh toán số tiền mua bán vật tư còn thiếu là 1.539.452.528 đồng là có cơ sở, phù hợp với Điều 50 của Luật Thương mại nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu về phạt vi phạm với số tiền là 123.156.451 đồng: Xét thấy, theo quy định tại Điều II của các hợp đồng đã ký thì Công ty HE phải thanh toán tiền hàng vào ngày 25 đến ngày 30 (31) của tháng tiếp theo, trường hợp Công ty HE chậm thanh toán thì phải chịu phạt với mức phạt là 0,05%/ngày/trên số tiền chậm trả. Do đó, việc Công ty K T&J yêu cầu phạt vi phạm là phù hợp với quy định tại Điều 300 của Luật Thương mại; tuy nhiên theo quy định tại Điều 301 của Luật Thương mại thì "*Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này*", do đó mức phạt tối đa được chấp nhận là 8% x 1.539.452.528 đồng = 123.156.451 đồng, do đó yêu cầu của Công ty K T&J về số tiền phạt được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu về tiền lãi chậm thanh toán: Cũng theo quy định tại Điều II của các hợp đồng đã ký thì Công ty HE phải thanh toán tiền hàng vào ngày 25 đến ngày 30 (31) của tháng tiếp theo, quá thời hạn trên thì được coi là chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại thì "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hang hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Theo hướng dẫn tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì "*Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Theo xác minh 03 Ngân hàng như hướng dẫn nêu trên thì lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 13%/năm (Lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam là 8,1%/năm x150%, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam là

8,1%/năm x150%, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 8,0%/năm x150%). Việc, Công ty K T&J yêu cầu tiền lãi với lãi suất là 0,033%/ngày (tương đương với 12%/năm) là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường nên được chấp nhận. Cụ thể, buộc Công ty HE phải trả cho Công ty K T&J số tiền lãi do chậm thanh toán là:

+ Đối với 04 hóa đơn ngày 30/3/2019, tổng số tiền là: 183.761.255 đồng, ngày phải trả là ngày 28/4/2019, nên tiền lãi cụ thể là:

183.761.255 đồng x 0,033%/ngày x 1.050 ngày (từ ngày 29/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/3/3022) = 63.673.302 đồng.

+ Đối với 05 hóa đơn ngày 31/10/2018, tổng số tiền là: 112.902.575 đồng, ngày phải trả là ngày 29/11/2018, nên tiền lãi cụ thể là:

112.902.575 đồng x 0,033%/ngày x 1.200 ngày (từ ngày 30/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/3/3022) = 44.992.277 đồng.

+ Đối với 01 hóa đơn ngày 29/9/2018, với số tiền là: 492.035.245 đồng, ngày phải trả là ngày 28/10/2018, nên tiền lãi cụ thể là:

492.035.245 đồng x 0,033%/ngày x 1.232 ngày (từ ngày 29/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/3/3022) = 200.041.849 đồng.

+ Đối với 01 hóa đơn ngày 31/8/2018, số tiền là: 6.076.400 đồng, ngày phải trả là ngày 29/9/2018, nên tiền lãi cụ thể là:

6.076.400 đồng x 0,033%/ngày x 1.261 ngày (từ ngày 30/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/3/3022) = 2.528.572 đồng.

+ Đối với 01 hóa đơn ngày 31/8/2018, số tiền là: 699.965.882 đồng, ngày phải trả là ngày 24/10/2019, nên tiền lãi cụ thể là:

699.965.882 đồng x 0,033%/ngày x 871 ngày (từ ngày 25/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/3/3022) = 201.191.193 đồng.

+ Đối với 01 hóa đơn ngày 31/10/2019, với số tiền là: 8.416.888 đồng, ngày phải trả là ngày 13/3/2019, nên tiền lãi cụ thể là:

8.416.888 đồng x 0,033%/ngày x 844 ngày (từ ngày 14/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/3/3022) = 2.344.272 đồng.

+ Đối với 01 hóa đơn ngày 31/11/2019, với số tiền là: 33.046.990 đồng, ngày phải trả là ngày 24/12/2029, nên tiền lãi cụ thể là:

33.046.990 đồng x 0,033%/ngày x 810 ngày (từ ngày 25/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/3/3022) = 8.833.460 đồng.

+ Đối với 01 hóa đơn ngày 31/12/2019, với số tiền là: 750.595 đồng, ngày phải trả là ngày 16/01/2020, nên tiền lãi cụ thể là:

750.595 đồng x 0,033%/ngày x 787 ngày (từ ngày 17/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/3/3022) = 194.937 đồng.

+ Đối với 01 hóa đơn ngày 29/02/2020, với số tiền là: 1.785.527 đồng, ngày phải trả là ngày 25/5/2020, nên tiền lãi cụ thể là:

1.785.527 đồng x 0,033%/ngày x 657 ngày (từ ngày 26/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/3/3022) = 387.120 đồng.

Tổng số tiền lãi chậm trả là: 524.186.955 đồng.

[6] Tổng cộng, buộc Công ty HE phải trả cho Công ty K T&J số tiền mua vật tư còn thiếu và lãi phát sinh là 2.186.799.048 đồng.

[7] Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Công ty HE phải nộp trên số tiền phải trả cho Công ty K T&J số tiền là 2.186.799.048 đồng, với số tiền án phí cụ thể là:

72.000.000 đồng (của số tiền là 2.000.000.000 đồng) + 2% x 186.799.048 đồng (số tiền vượt quá 2.000.000.000 đồng) = 75.736.000 đồng.

- Công ty K T&J không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 24, 25, 50, Điều 300, 301 và 306 của Luật Thương mại; Điều 357, Điều 385 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Sắt thép K T&J về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" với bị đơn là Công ty TNHH HE.

1.1. Buộc Công ty TNHH HE phải trả cho Công ty TNHH MTV Sắt thép K T&J số tiền mua vật tư còn thiếu theo Hợp đồng nguyên tắc đã ký giữa Công ty K T&J và Công ty HE số 01/094/HĐNT-2017 ngày 01/12/2017; số 01/001/HĐNT-2018-2019 ngày 01/12/2018 và hợp đồng nguyên tắc số 01/001/HĐNT-2020 ngày 02/01/2020, tiền phạt vi phạm và tiền lãi phát sinh là: 2.186.799.048 đồng (hai tỷ một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn không trăm bốn mươi tám đồng).

1.2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH HE phải chịu số tiền 75.736.000 đồng (bảy mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

2.2. Công ty TNHH MTV Sắt thép K T&J không phải chịu; Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Sắt thép K T&J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.535.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000677 ngày 01/12/2021.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.TDM;
- Chi cục THADS TP.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Vọng